

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí.

Điều 2. Danh mục phí, lệ phí được quy định chi tiết, ban hành kèm theo Nghị định này và áp dụng thống nhất trong cả nước.

Điều 3. Nghị định này không điều chỉnh đối với:

1. Phí bảo hiểm xã hội;
2. Phí bảo hiểm y tế;
3. Các loại phí bảo hiểm khác;
4. Phí, nguyệt liễm, niên liễm thu theo điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, câu lạc bộ, không quy định tại Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định này;
5. Những khoản phí khác không quy định tại Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định này, như: cước phí vận tải, cước phí bưu chính viễn thông, phí thanh toán, chuyển tiền của các tổ chức tín dụng,...

Điều 4.

1. Tổ chức, cá nhân được thu phí, lệ phí, bao gồm:
 - a) Cơ quan thuế nhà nước; cơ quan hải quan;
 - b) Cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức khác và cá nhân cung cấp dịch vụ, thực hiện công việc mà pháp luật quy định được thu phí, lệ phí.
2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được thu các loại phí, lệ phí có trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định này.
3. Trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể ủy quyền việc thu phí, lệ phí; tổ chức, cá nhân được ủy quyền phải thực hiện theo đúng những quy định tại Nghị định này.

Chương 2 :

THẨM QUYỀN QUY ĐỊNH VỀ PHÍ VÀ LỆ PHÍ

Điều 5. Thẩm quyền quy định đối với phí như sau:

1. Chính phủ quy định đối với một số phí quan trọng, có số thu lớn, liên quan đến nhiều chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước. Trong từng loại phí do Chính phủ quy định, Chính phủ có thể ủy quyền cho Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định mức thu đối với từng trường hợp cụ thể cho phù hợp với tình hình thực tế.

Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) quy định đối với một số loại phí gắn với quản lý đất đai, tài nguyên thiên nhiên, gắn với chức năng quản lý hành chính nhà nước của chính quyền địa phương.

Bộ Tài chính quy định đối với các loại phí còn lại để áp dụng thống nhất trong cả nước.

Thẩm quyền quy định đối với phí được quy định cụ thể trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định này.

Thẩm quyền quy định đối với phí bao gồm việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với từng phí cụ thể.

2. Việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với phí thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Nghị định này.

Điều 6. Thẩm quyền quy định đối với lệ phí như sau:

1. Chính phủ quy định đối với một số lệ phí quan trọng, có số thu lớn, có ý nghĩa pháp lý quốc tế. Chính phủ giao Bộ Tài chính quy định đối với các lệ phí còn lại.

Thẩm quyền quy định đối với lệ phí được quy định cụ thể trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định này.

Thẩm quyền quy định đối với lệ phí bao gồm việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với từng lệ phí cụ thể.

2. Việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Nghị định này.

Điều 7. Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi Danh mục phí, lệ phí, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với phí, lệ phí, thì Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phản ánh về Bộ Tài chính để Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh phí và lệ phí.

Chương 3 :

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ, LỆ PHÍ

Điều 8. Nguyên tắc xác định mức thu phí, quy định như sau:

Nguyên tắc chung là mức thu phí phải bảo đảm thu hồi vốn trong thời gian hợp lý, phù hợp với khả năng đóng góp của người nộp.

Ngoài ra, mức thu đối với các dịch vụ do Nhà nước đầu tư còn phải bảo đảm thi hành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ và phù hợp với tình hình thực tế.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định mức thu đối với những loại phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định, để bảo đảm việc thi hành thống nhất trong cả nước.

Điều 9. Mức thu lệ phí được ấn định trước bằng một số tiền nhất định đối với từng công việc quản lý nhà nước được thu lệ phí, không nhằm mục đích bù đắp chi phí để thực hiện công việc thu lệ phí, phù hợp với thông lệ

quốc tế. Riêng đối với lệ phí trước bạ, mức thu được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị tài sản trước bạ theo quy định của Chính phủ.

Điều 10. Căn cứ vào những nguyên tắc xác định mức thu phí, mức thu lệ phí quy định tại Điều 8, Điều 9 nói trên, tổ chức, cá nhân được thu phí, lệ phí quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị định này, xây dựng mức thu phí, lệ phí trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Mức thu phí, lệ phí trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc bổ sung, sửa đổi cần có ý kiến của cơ quan vật giá cùng cấp.

Điều 11. Nguyên tắc quản lý và sử dụng số tiền phí, lệ phí quy định như sau:

1. Phí thu được từ các dịch vụ không do Nhà nước đầu tư, hoặc do Nhà nước đầu tư nhưng đã chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo nguyên tắc hạch toán, tự chủ tài chính, là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Số tiền phí thu được là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu phí; tổ chức, cá nhân thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước trên kết quả thu phí.

2. Phí thu được từ các dịch vụ do Nhà nước đầu tư hoặc từ các dịch vụ thuộc đặc quyền của Nhà nước, là khoản thu của ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

a) Trường hợp tổ chức thực hiện thu phí đã được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu phí theo dự toán hàng năm thì tổ chức thực hiện thu phí phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước;

b) Trường hợp tổ chức thực hiện thu phí chưa được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu phí thì tổ chức thực hiện thu phí được để lại một phần trong số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Điều 12 Nghị định này; phần tiền phí còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước;

c) Trường hợp tổ chức thực hiện thu phí được ủy quyền thu phí ngoài chức năng nhiệm vụ thường xuyên, thì tổ chức thực hiện thu phí được để lại một phần trong số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Điều 12 Nghị định này; phần tiền phí còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Mọi khoản lệ phí thu được đều thuộc ngân sách nhà nước. Tổ chức thực hiện thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Trong trường hợp ủy quyền thu thì tổ chức được ủy quyền thu lệ phí được để lại một phần trong số lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí theo quy định tại Điều 12 Nghị định này; phần lệ phí còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Bộ Tài chính hướng dẫn việc hạch toán và quy trình, thủ tục đối với phần tiền phí, lệ phí nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 12. Nguyên tắc xác định và việc quản lý, sử dụng phần tiền phí, lệ phí được để lại quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định này như sau:

1. Phần tiền phí, lệ phí để lại cho tổ chức thu để trang trải chi phí cho việc thu phí, lệ phí được trích theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền phí, lệ phí thu được hàng năm. Tỷ lệ phần trăm (%) này được xác định như sau:

	Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho việc thu phí, lệ phí theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định
Tỷ lệ	$\frac{\text{Số tiền chi phí cần thiết cho việc thu phí, lệ phí}}{\text{Tổng số tiền phí, lệ phí thu được hàng năm}} \times 100$